

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1903 /STC-QLNS

Đắk Nông, ngày 27 tháng 9 năm 2021

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
quy định về nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ dự toán chi
thường xuyên ngân sách tỉnh
Đắk Nông năm 2022

Kính gửi:

- Cục Thuế tỉnh Đắk Nông;
- Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;
- Các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ;

Thực hiện kế hoạch trình các báo cáo, đề án, dự thảo Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 03, HĐND tỉnh Khóa IV của UBND tỉnh;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; để việc xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022 đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế địa phương, phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách gắn liền với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Sở Tài chính đã có Công văn số 406/STC-QLNS ngày 03/3/2020 và Công văn số 1020/STC-QLNS ngày 28/5/2021 đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố phối hợp, đánh giá kết quả thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó, đánh giá những mặt hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nêu rõ nguyên nhân (nếu có), từ đó đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để xây dựng định mức chi thường xuyên cho giai đoạn tiếp theo.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, đánh giá của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 (Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2017; Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời hạn

áp dụng một số nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020), Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022.

1. Đề nội dung quy định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và việc triển khai thực hiện có hiệu quả, Sở Tài chính kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo. Văn bản góp ý gửi về Sở Tài chính **trước ngày 10/10/2021** (đồng gửi thư điện tử theo địa chỉ qlns.stc@daknong.gov.vn) để tổng hợp, tham mưu theo quy định.

2. Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cho đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(Dự thảo Nghị quyết được gửi kèm theo Công văn này)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố./.

Nơi nhận: *thul*

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở (đăng tải lên Trang Thông tin của Sở);
- Lưu: VT, QLNS (H).

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Thuần

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2021

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đắk Nông về việc dự thảo Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm
2022; Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày ... tháng ... 2021 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu
chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông
năm 2022.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại

biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày ... tháng năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND tỉnh;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã;
- Công báo tỉnh; Báo Đắk Nông;
- Đài PT&TH tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh Đắk Nông; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo, dạy nghề; khoa học, công nghệ;...), vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn, biên giới và các nhiệm vụ cấp thiết.

2. Định mức phân bổ ngân sách được xác định theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk

Nông giai đoạn 2022 - 2025; đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và trong phạm vi tổng dự toán được Trung ương giao năm 2022 và cả giai đoạn 2022 - 2025.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và phân bổ tổng mức kinh phí cho từng huyện, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

4. Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch trong phân bổ ngân sách; đảm bảo tính chủ động cho các ngành, các cấp trong điều hành, khai thác các nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công; tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp để giảm dần mức hỗ trợ cho đơn vị sự nghiệp, phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách.

6. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới (không bao gồm các chính sách đặc thù do tỉnh ban hành) làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thành phố sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của các huyện, thành phố theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp các huyện, thành phố bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, các huyện, thành phố phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách của huyện, thành phố, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách các huyện, thành phố, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thành phố.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương 2022, đảm bảo tổng dự toán chi ngân sách của các cấp, các ngành, các đơn vị và các huyện, thành phố có mức tăng hợp lý, đảm bảo không thấp hơn dự toán năm 2021.

8. Định mức phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp được xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày

21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công. Trong đó:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp):

Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 05 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hàng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan, sẽ xác định phân giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách; riêng chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường đảm bảo không thấp hơn mức Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 4. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách địa phương

1. Về dân số:

Số dân của từng huyện, thị xã được xác định trên cơ sở số liệu do Cục Thống kê tỉnh công bố.

2. Về biên chế:

Số biên chế được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền.

3. Xã đặc biệt khó khăn, biên giới, trọng điểm an ninh quốc phòng, loại 1, loại 2, loại 3 theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Về chỉ tiêu giường bệnh: Được xác định trên cơ sở số liệu thực hiện của năm trước liền kề năm hiện hành.

5. Về phân loại nhóm:

- Thành phố Gia Nghĩa.
- Huyện thuộc Nhóm I gồm: Huyện Đăk Mil, Đăk R'Lấp, Cư Jút.
- Huyện thuộc Nhóm II gồm: Huyện Krông Nô, Đăk Song, Đăk G'Long, Tuy Đức.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh

1. Quản lý hành chính (Nhà nước, Đảng, đoàn thể)

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương; chế độ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn.

b) Định mức kinh phí hoạt động thường xuyên phân bổ theo biên chế với định mức 28.000.000 đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng ISO; phụ cấp một cửa; vận hành và duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị; dân quân tự vệ, đánh giá giám sát đầu tư,...;

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Định mức phân bổ bổ sung:

- Kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, Hội đồng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh

phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hoạt động của Hội đồng thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Sở Tư pháp thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kinh phí chi mua quà và tặng phẩm cho lãnh đạo cao cấp đi thăm và làm việc ở các nước; kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê đặc thù, đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; kinh phí hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo,...

- Trang phục theo quy định của Nhà nước đối với Thanh tra viên, Kiểm lâm viên, kiểm dịch viên thú y,... với mức 2.500.000 đồng/người/năm.

- Văn phòng Tỉnh ủy được phân bổ kinh phí để thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm cấp ủy đối với Ủy viên: Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban chấp hành Đảng bộ khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh theo số lượng ủy viên Ban chấp hành và theo mức quy định hiện hành.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được phân bổ hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân theo số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân và theo mức quy định hiện hành.

- Kinh phí để thực hiện một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Tỉnh ủy và một số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Đăk Nông theo quy định.

- Kinh phí hoạt động của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh với mức cụ thể do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

- Các đề án, chế độ, chính sách và nhiệm vụ đặc thù theo chủ trương của tỉnh và khả năng của ngân sách.

d) Định mức phân bổ đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là hội đặc thù):

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của lĩnh vực quản lý hành chính như tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Sự nghiệp giáo dục

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy

định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập theo định mức 20.000.000 đồng/biên chế/năm. Định mức phân bổ này đã tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục thuộc ngân sách cấp tỉnh phải đảm bảo theo phân cấp, bao gồm:

+ Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

+ Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, kiểm định chất lượng giáo dục...;

+ Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định;

+ Kinh phí sửa chữa thường xuyên trường, lớp học và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập theo quy định;

+ Kinh phí tổ chức các hoạt động chung do ngành Giáo dục thực hiện như: thi học sinh giỏi, các hoạt động hè, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh...

c) Ngành Giáo dục được sử dụng từ 4% đến 6% trong tổng số kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập của sự nghiệp giáo dục do cấp mình quản lý để: tổ chức các hoạt động chung của ngành; chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định; sửa chữa thường xuyên trường, lớp học và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập.

Các hoạt động chung quy mô lớn và có nhiều cấp tham gia thì thực hiện theo nguyên tắc cấp nào cử tham gia, cấp đó tự đảm bảo kinh phí.

d) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế của năm trước, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ quy định, gồm:

- Kinh phí chính sách học bổng cho học sinh dân tộc nội trú;
- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;
- Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn;
- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

3. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Kinh phí hoạt động theo định mức 20.000.000 đồng/biên chế/năm, định mức này đã bao gồm:

+ Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

+ Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; vận hành và duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...;

+ Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định;

+ Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định.

- Thực hiện phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án, chính sách và nhiệm vụ đặc thù theo chủ trương của tỉnh cho đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo số lượng học viên thực tế và chế độ quy định.

- Các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với mức 800.000 đồng/biên chế/năm. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn kinh phí đào tạo được phân bổ và các nguồn kinh phí khác của mình, cơ quan, đơn vị quyết định hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy chế chi tiêu nội bộ hoặc theo quy định hiện hành.

4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Định mức chi hoạt động phân bổ theo tiêu chí giường bệnh và biên chế, với mức cụ thể như sau:

Tiêu chí	Đơn vị tính	Định mức
1. Khối khám, chữa bệnh		
- Tuyến tỉnh	Triệu đồng/giường/năm	25

- Tuyển huyện, thành phố	Triệu đồng/giường/năm	20
2. Khối y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, trung tâm chuyên ngành	Triệu đồng/biên chế/năm	20
3. Hoạt động của trạm y tế xã, phường	Triệu đồng/trạm/năm	45

* Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; kinh phí tổ chức các hoạt động chung do ngành y tế thực hiện; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá giám sát đầu tư...

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản thực hiện phân bổ theo số lượng nhân viên y tế thôn bản và mức phụ cấp tại Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/05/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vốn đối ứng các dự án thuộc lĩnh vực y tế, kinh phí khám chữa bệnh của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ được phân bổ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và khả năng của ngân sách.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội... được thực hiện theo quy định và kinh phí Trung ương hỗ trợ.

- Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo quy định và khả năng ngân sách.

- Kinh phí để thực hiện chính sách, nhiệm vụ y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản,..., mua sắm, sửa chữa trang thiết bị ngành y tế theo quy định và khả năng của ngân sách.

5. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: căn cứ nhiệm vụ được phê duyệt và khả năng ngân sách để đảm bảo cho công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cấp tỉnh quản lý.

6. Sự nghiệp văn hóa thông tin

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (là đơn vị sự nghiệp công của Nhà nước) được phân bổ thêm kinh phí 510 triệu đồng/đoàn.

- Đội thông tin lưu động được phân bổ thêm 250 triệu đồng/đội/năm.

- Hằng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách thực hiện bố trí kinh phí các đề tài, đề án, chính sách, nhiệm vụ phát sinh đặc thù theo chủ trương của tỉnh.

7. Sự nghiệp phát thanh truyền hình

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: hằng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, truyền dẫn, phát sóng kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương.

8. Sự nghiệp thể dục thể thao

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: hằng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách thực hiện cân đối kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng vận động viên năng khiếu các bộ môn thể thao, chế độ luyện tập, thi đấu, khen thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên thành tích cao và thực hiện các nhiệm vụ theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi đảm bảo xã hội

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ mà theo phân cấp do cấp tỉnh quản lý và đảm bảo.

- Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong; chế độ mai táng phí cho Cựu chiến binh, thanh niên xung phong, các đối tượng phân cấp do cấp tỉnh quản lý và đảm bảo.

- Kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết do cấp tỉnh quản lý và đảm bảo theo phân cấp.

- Các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đảm bảo xã hội theo quy định của cơ quan có thẩm quyền do các đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý và thực hiện.

10. Quốc phòng, an ninh

Hàng năm, căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách tỉnh để cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo theo phân cấp.

12. Sự nghiệp kinh tế

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hàng năm, căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách tỉnh để cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cấp tỉnh quản lý, cụ thể: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông; thiết lập và quản lý hệ thống báo hiệu đường bộ, đường thủy nội địa; đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường; duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình thủy lợi, trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, phát triển nông thôn, bảo vệ thực vật, thú y; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phòng, chống thiên tai; các chính sách, nhiệm vụ về nông nghiệp và phát triển nông thôn; hoạt động sự nghiệp quản lý đất đai và quản lý tài nguyên khoáng sản; hoạt động khuyến công, hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư,

- Hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo số Trung ương giao.

13. Sự nghiệp môi trường

a) Như điểm a, khoản 3 Điều 3 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: hàng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách tỉnh để cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường theo phân cấp.

Điều 6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các huyện, thành phố

1. Quản lý hành chính (Nhà nước, Đảng, đoàn thể)

- Như điểm a và điểm b, khoản 1 Điều 3 Quy định này;

- Các huyện, thành phố được phân bổ theo tiêu chí nhóm huyện kinh phí để đảm bảo các nhiệm vụ tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định này, với mức cụ thể:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	Triệu đồng/huyện/năm	5.000
Nhóm I	Triệu đồng/huyện/năm	5.500
Nhóm II	Triệu đồng/huyện/năm	6.000

2. Sự nghiệp giáo dục

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành.

b) Chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập chiếm 19% tổng chi sự nghiệp giáo dục. Định mức phân bổ này đã tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục thuộc ngân sách cấp huyện phải đảm bảo theo phân cấp.

Tỷ lệ phân bổ chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập năm 2022 nêu trên được tính theo tiền lương tối thiểu 1.490.000 đồng/tháng. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách, nhà nước điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu, thì không điều chỉnh chi phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và học tập tăng theo tỷ lệ tương ứng, việc điều chỉnh tăng được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

c) Ngành Giáo dục được sử dụng từ 4% đến 6% trong tổng số kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập của sự nghiệp giáo dục do cấp mình quản lý để tổ chức các hoạt động chung của ngành; chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định; sửa chữa thường xuyên trường, lớp học và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập.

Các hoạt động chung quy mô lớn và có nhiều cấp tham gia thì thực hiện theo nguyên tắc cấp nào cử tham gia, cấp đó tự đảm bảo kinh phí.

d) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế của năm trước, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ quy định, gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non;
- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;
- Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn;
- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

3. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi) là 25.000 đồng/người dân/năm.

4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

Để tạo điều kiện cho các huyện, thành phố có kinh phí tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân, các phong trào bảo vệ sức khỏe hàng năm thực hiện phân bổ bổ sung cho mỗi huyện, thành phố với mức: 150.000.000 đồng/năm.

5. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Các huyện, thành phố được phân bổ 300.000.000 đồng/huyện/năm để thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ.

6. Sự nghiệp văn hóa thông tin

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	25.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	26.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	27.500

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 250 triệu đồng/đội thông tin lưu động/năm và 26.000.000 đồng/xã/năm.

Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

7. Sự nghiệp phát thanh truyền hình

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	12.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	13.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	14.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 18.000.000 đồng/xã/năm.

8. Sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	10.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	11.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	12.000

9. Chi đảm bảo xã hội

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	13.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	15.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	17.500

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ chi phí mai táng theo phân cấp do cấp huyện quản lý và đảm bảo; chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc.

- Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách theo quy định của pháp luật.

- Chính sách đối với người có uy tín; kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, tết do cấp huyện quản lý và đảm bảo.

- 50.000.000 đồng/xã đặc biệt khó khăn/năm và 40.000.000 đồng/xã còn lại/năm.

10. Quốc phòng, an ninh

a) Lĩnh vực quốc phòng

- Định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	6.500
Nhóm I	đồng/người dân/năm	8.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	9.000

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 300.000.000 triệu đồng/huyện biên giới/năm, 150.000.000 đồng/xã trọng điểm quốc phòng an ninh/năm.

b) Lĩnh vực an ninh

- Định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện, cụ thể:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	5.500
Nhóm I	đồng/người dân/năm	6.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	6.500

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 200.000.000 triệu đồng/huyện biên giới/năm và 100.000.000 đồng/xã trọng điểm quốc phòng an ninh/năm

11. Sự nghiệp kinh tế

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số là 10.000 đồng/người dân/năm

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa theo chế độ quy định và diện tích đất trồng lúa Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

- 10.000 triệu đồng/năm/đô thị loại III, 7.000 triệu đồng/năm/đô thị loại IV và 4.000 triệu đồng/năm/đô thị loại V.

- 500 triệu đồng/năm/xã đặc biệt khó khăn và 300 triệu đồng/năm/xã còn lại.

- Huyện, thành phố có diện tích dưới 1.000 km² được phân bổ thêm 15%, và các huyện, thành phố còn lại được phân bổ thêm 18% so với định mức được quy định tại điểm a Khoản này.

12. Sự nghiệp môi trường

Thành phố Gia Nghĩa, huyện Đắk R'lấp được phân bổ theo tỷ lệ là 2% và các huyện còn lại là 1% của tổng các khoản chi thường xuyên từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 6 Quy định này.

Định mức trên đã bao gồm phần kinh phí sử dụng từ phí bảo vệ môi trường thu được bố trí lại cho công tác bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

13. Chi thường xuyên khác của ngân sách

Chi khác ngân sách được tính bằng 0,5% tổng các lĩnh vực chi thường xuyên được phân bổ theo định mức từ khoản 1 đến khoản 12 Điều 4 Quy định này. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể.

14. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách được tính bằng 3% tổng các lĩnh vực chi được phân bổ theo định mức từ khoản 1 đến khoản 13 Điều 3 Quy định này./.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung